VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126 /2026/VBHN-TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ
Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước

Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 75/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước[1].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) cho các loại hệ thống thoát nước để làm cơ sở lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước áp dụng tại các đô

[1] Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 354/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng và Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng.

thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp) và khu dân cư nông thôn tập trung.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải; các tổ chức, cơ quan liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Khuyến khích các cụm công nghiệp, các làng nghề áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Nguyên tắc định giá dịch vụ thoát nước

1. Việc định giá dịch vụ thoát nước phải phù hợp với quy trình kỹ thuật, công nghệ xử lý; tiêu chuẩn, quy chuẩn; định mức kinh tế kỹ thuật về thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành; phù hợp với chất lượng dịch vụ và chế độ, chính sách của Nhà nước.

2. Giá dịch vụ thoát nước được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ của quá trình đầu tư và khai thác, vận hành của hệ thống thoát nước; phù hợp với điều kiện thực tế tổ chức dịch vụ, điều kiện hạ tầng kỹ thuật tại địa phương.

3. Giá dịch vụ thoát nước có thể được xác định riêng cho từng loại dịch vụ thoát nước (dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước; dịch vụ xử lý nước thải) hoặc cho toàn bộ dịch vụ thoát nước tùy theo nhu cầu sử dụng dịch vụ thoát nước và điều kiện tổ chức thực hiện dịch vụ thoát nước.

4. Giá dịch vụ thoát nước (bao gồm cả dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước và dịch vụ xử lý nước thải) được xác định thống nhất trên đơn vị là m^3 nước thải, phù hợp với đặc điểm đầu nối của hệ thống thoát nước.

Điều 3. Định giá dịch vụ thoát nước

1. Giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m^3 nước thải được xác định theo công thức như sau:

$$Z_{TB} = \frac{C_T}{SL_T} \quad (1)$$

Trong đó:

a) Z_{TB}: là giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m^3 nước thải bình quân (đơn vị tính: đồng/m^3);

b) C_T: là tổng chi phí dịch vụ thoát nước được xác định theo Điều 4 Thông tư này;

c) SL_T: là tổng khối lượng nước thải được thu gom, xử lý của hệ thống thoát nước (đơn vị tính: m^3).

Đối với hệ thống thoát nước chung: tổng lượng nước thải được xử lý của hệ thống thoát nước bao gồm nước thải từ các hộ thoát nước và các loại nước khác xả vào hệ thống thoát nước. Trong đó khối lượng nước thải của các hộ thoát nước được xác định theo Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; trường hợp các hộ thoát nước sử

dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung nếu lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì lượng nước thải sẽ được tính theo đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Khuyến khích các hộ thoát nước (trừ nước thải sinh hoạt hộ gia đình) lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Khối lượng các loại nước khác (nước mưa, nước thải khác…) được tính toán, xác định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định hiện hành. Trong đó, khối lượng nước mưa trong hệ thống thoát nước chung được xác định dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành về nước thấm thấu và lưu lượng mưa bình quân để tính toán.

2.[2] Giá dịch vụ thoát nước được xác định theo công thức sau:

$$G_{DVTN} = \{Z_{TB} + (Z_{TB} \times P)\} \quad (2)$$

Trong đó:

G_{DVTN}: là giá dịch vụ thoát nước;

Z_{TB}: là giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m^3 nước thải bình quân;

P: là tỷ suất lợi nhuận định mức trên giá thành của dịch vụ thoát nước.

Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, P không vượt quá 5%.

Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp khác (bao gồm cả nguồn vốn hỗn hợp), P được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 45/2024/TT-BTC.

3.[3] Giá dịch vụ thoát nước do hộ thoát nước (trừ nước thải hộ gia đình) trả cho đơn vị thoát nước được xác định tại công thức (2) nhân thêm hệ số K.

Hệ số K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng chất gây ô nhiễm, được xác định theo hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải (không phải là nước thải sinh hoạt) và dựa trên chỉ tiêu COD (mg/l) trung bình trong nước thải. Chỉ tiêu COD trung bình theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Hệ số K được xác định như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	≤ 150	1
2	151 - 200	1,5
3	201 - 300	2
4	301 - 400	2,5
5	401 - 600	3,5
6	> 600	4,5

4. Giá dịch vụ thoát nước xác định theo công thức tại Khoản 2 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Điều 4. Phương pháp xác định tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước

1.[4] Tổng chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ thực hiện dịch vụ thoát nước bao gồm:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
1	Chi phí vật tư trực tiếp	C_{VT}
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C_{NC}
3	Chi phí máy, thiết bị trực tiếp	C_M
4	Chi phí sản xuất chung	C_{SXC}
5	Chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có)	C_{HLK}
	Tổng chi phí sản xuất	$\mathbf{C_P = C_{VT} + C_{NC} + C_M + C_{SXC} + C_{HLK}}$
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Cq
	Tổng chi phí	$\mathbf{C_T = C_P + Cq}$

2. Nội dung từng khoản chi phí được xác định như sau:

a) Chi phí vật tư trực tiếp (C_{VT}) bao gồm chi phí của vật tư sử dụng trực tiếp để thực hiện việc duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư sử dụng nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng. Trong đó:

- Khối lượng vật tư sử dụng để duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành.

-[5] Giá vật tư là giá đến nơi thoát nước và xử lý nước thải, phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật tư sử dụng, được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) bao gồm các khoản chi phí bằng tiền mà các đơn vị thoát nước phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản phụ cấp khác (nếu có), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo quy định đối với công nhân trực tiếp xử lý nước thải và duy trì hệ thống thoát nước, trong đó:

-[6] Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng số lượng ngày công theo định mức hao phí nhân công trực tiếp cho công tác duy trì hệ thống thoát nước và

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[5] Gạch đầu dòng này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[6] cụm từ "(Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) bao gồm tiền lương cơ sở và các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật." tại gạch đầu dòng này bị bãi

xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng. Đơn giá ngày công của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ thoát nước xác định theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ thoát nước theo quy định hiện hành của pháp luật (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả).

c) Chi phí máy, thiết bị trực tiếp (C_M): được xác định trên cơ sở chi phí liên quan đến giá máy, thiết bị, chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao máy, thiết bị theo quy định của Bộ Tài chính; phương pháp xác định giá ca máy thiết bị do Bộ Xây dựng hướng dẫn và các quy định khác có liên quan.

Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp phục vụ công tác duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đã tính tại khoản này (C_M) thì không tính trong chi phí sản xuất chung của doanh nghiệp.

d)[7] Chi phí sản xuất chung (C_{SXC}) là các khoản mục chi phí sản xuất gián tiếp (ngoài các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí máy, thiết bị trực tiếp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 2 Điều này) phát sinh tại các cơ sở thực hiện dịch vụ thoát nước của doanh nghiệp bao gồm: khấu hao, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa tài sản cố định (không bao gồm máy, thiết bị trực tiếp); chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng; tiền lương, tiền công, phụ cấp có tính chất lương; khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của cán bộ, nhân viên phân xưởng (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả); chi phí xử lý bùn thải và chi phí duy trì thảm cỏ cây xanh trong khuôn viên nhà máy xử lý nước thải (nếu có); chi phí kiểm nghiệm nước xả thải trước và sau khi xử lý, hệ thống xả thải, chi phí dịch vụ thuê, mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác được tính vào giá thành theo quy định của pháp luật.

Chi phí vật tư, chi phí nhân công trong chi phí sản xuất chung áp dụng như quy định tại các điểm a, b Khoản 2 Điều này.

Chi phí khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Đối với những tài sản cố định như các bộ phận công trình của hệ thống thoát nước đã đầu tư từ lâu, không xác định được chi phí đầu tư thì đơn vị lập phương án giá dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước, xử lý nước thải căn cứ quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định để xác định giá trị nguyên giá còn lại hợp lý làm cơ sở xác định chi phí khấu hao.

---

bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[7] Nội dung "Chi phí sản xuất chung xác định chi tiết theo từng khoản chi phí nêu trên nhưng không vượt quá:

- Đối với dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước: 25% của chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC});

- Đối với dịch vụ xử lý nước thải: 15% của chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí máy, thiết bị trực tiếp)." tại điểm này bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

đ)[8] Chi phí quản lý doanh nghiệp (Cq) là tổng các chi phí chi cho bộ máy quản lý và điều hành doanh nghiệp của đơn vị thoát nước, các khoản chi phí có tính chất chung của toàn doanh nghiệp bao gồm: khấu hao, sửa chữa tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý và điều hành trong doanh nghiệp; chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của bộ máy quản lý doanh nghiệp (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả); chi phí vật liệu, đồ dùng cho văn phòng, các khoản thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc văn phòng doanh nghiệp; các chi phí quản lý chung khác cho toàn doanh nghiệp như: chi trả lãi vay, các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí tiếp tân, giao dịch, chi phí nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, chi sáng kiến, cải tiến, chi bảo vệ môi trường, chi phí giáo dục, đào tạo, y tế cho người lao động của doanh nghiệp, chi phí cho lao động nữ, các khoản chi phí quản lý khác theo chế độ quy định hiện hành.

Phương pháp xác định chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định trong chi phí quản lý doanh nghiệp áp dụng như quy định tại các điểm a, b, d Khoản 2 Điều này.

e)[9] Chi phí hợp lý, hợp lệ khác (C_{HLK}) phục vụ dịch vụ thoát nước (nếu có): bao gồm các chi phí theo quy định của pháp luật phục vụ dịch vụ thoát nước chưa nêu ở trên.

g)[10] Căn cứ tình hình thực tế tổ chức thực hiện dịch vụ, điều kiện kỹ thuật, nguồn vốn đầu tư và vận hành hệ thống để xác định các khoản mục chi phí chi tiết trong chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý doanh nghiệp theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này cho phù hợp, bảo đảm nguyên tắc chung theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Khi xác định tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện tính đúng, tính đủ các chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ; không tính các khoản chi phí không được tính vào tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước theo quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau không chỉ riêng dịch vụ thoát nước, thì các khoản chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý doanh nghiệp phải phân bổ riêng cho dịch vụ thoát nước trong kỳ tính toán theo hướng dẫn của pháp luật kế toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

---

[8] Nội dung "Chi phí quản lý doanh nghiệp xác định chi tiết theo từng khoản chi phí nêu trên nhưng không vượt quá 5% của tổng chi phí sản xuất (C_P)." tại điểm này bị bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[9] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[10] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

4.[11] Trường hợp công tác chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành hoặc đã công bố, ban hành nhưng chưa phù hợp với yêu cầu thực tế thực hiện, đơn vị lập phương án giá xác định hao phí vật tư, nhân công, máy, thiết bị trên cơ sở một trong các căn cứ sau:

a) Quy trình kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, sơ đồ dây chuyền công nghệ, tiêu chuẩn, định mức của nhà sản xuất (nếu có) và quy định pháp luật có liên quan;

b) Tham khảo, phân tích, đánh giá, điều chỉnh trên cơ sở định mức đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) đối với công việc có tính tương đồng về phạm vi, thành phần công việc, quy trình kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật và các điều kiện khác có liên quan (nếu có).

Hao phí vật tư, nhân công, máy, thiết bị xác định theo quy định tại khoản này phải được thể hiện, thuyết minh chi tiết trong phương án giá dịch vụ thoát nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1.[12] Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

2. Bộ Xây dựng chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng phương án giá và thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ thoát nước tại các địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý; quyết định đối tượng thu, mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước trên địa bàn mình quản lý phù hợp với tính chất, đặc điểm của hệ thống thoát nước, điều kiện kinh tế xã hội cụ thể và khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong từng thời kỳ;

- Gửi định mức, đơn giá, giá đã công bố, ban hành về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

4.[13] Đối với phương án giá dịch vụ thoát nước đã được phê duyệt và đã ký kết hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký. Đối với phương án giá dịch vụ thoát nước đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã được phê duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án giá xem xét, quyết định việc áp dụng quy định của Thông tư này, bảo đảm hiệu quả trong quản lý và triển khai thực hiện.

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Điều 6. Hiệu lực thi hành[14]

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019 và thay thế Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tường Văn

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin ĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, KTQLXD.

---

[14] Điều 2 Thông tư số 75/2026/TT-BXD, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

"1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.".